

Số: 3079 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 18 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB dự án Khu dân cư 05 thuộc điểm số 3, quỹ đất dọc đường trục Khu kinh tế nổi dài thuộc dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2892/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu dân cư 05 thuộc Điểm số 3, quỹ đất dọc đường trục Khu kinh tế nổi dài;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án trên địa bàn huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát (trừ xã Cát Hải) tại Văn bản số 34/HĐBT-GPMB ngày 10/8/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1011/TTr-STNMT ngày 17/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và tài sản gắn liền với đất cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB dự án Khu dân cư 05 thuộc điểm số 3, quỹ đất dọc đường trục Khu kinh tế nổi dài thuộc dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế là **16.114.938.413 đồng** (Mười sáu tỷ, một trăm mười bốn triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm mười ba đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 15.768.041.500 đồng.

- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 315.360.830 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 31.536.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 22.075.000 đồng).

- Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: 31.536.083 đồng.

2. Nguồn vốn chi trả: Từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16

(Chữ ký)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN, TỔ CHỨC BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN KHU DÂN CƯ 05 THUỘC ĐIỂM SỐ 3, QUỸ ĐẤT DỌC ĐƯỜNG TRỤC KHU KINH TẾ NỔI DÀI THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, GPMB CÁC DỰ ÁN TRONG KHU KINH TẾ NHƠN HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m^2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ				
				Tiền bồi thường, hỗ trợ đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Giá trị BT, HT (đồng)
1	Trần Hữu Tâm Nguyễn Thị Tánh	Phú Hậu Cát Tiến	441,90	71.941.320	0	1.988.550	203.763.600	277.693.470
2	Nguyễn Xuân Hồng Nguyễn Thị Dư	Phú Hậu Cát Tiến	2.035,20	200.927.760	0	9.158.400	565.264.800	775.350.960
3	Nguyễn Thị Mười	Phú Hậu Cát Tiến	1.441,40	234.659.920	0	6.486.300	652.941.600	894.087.820
4	Trần Quang Thông Đinh Thị Ba	Phú Hậu Cát Tiến	531,50	86.528.200	0	2.391.750	239.226.000	328.145.950
5	Đỗ Tim (chết); con Đỗ Thị Liệu, Đỗ Thị Lê sử dụng	Phú Hậu Cát Tiến	830,40	82.018.640	0	3.736.800	232.327.200	318.082.640
6	Nguyễn Đức Phụng	Phú Hậu Cát Tiến	1.746,50	284.330.200	0	7.859.250	779.766.000	1.071.955.450
7	Trần Thị Dược (chết) - cháu Trần Văn Hùng sử dụng	Phú Hậu Cát Tiến	1.296,20	211.021.360	0	5.832.900	588.472.800	805.327.060
8	Lê Tư Huỳnh Thị Xa	Phú Hậu Cát Tiến	1.246,90	202.995.320	0	5.611.050	570.903.600	779.509.970

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m^2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ				
				Tiền bồi thường, hỗ trợ đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Giá trị BT, HT (đồng)
9	Nguyễn Năm	Phú Hậu Cát Tiến	1.081,70	176.100.760	0	4.867.650	484.594.800	665.563.210
10	Trần Thị Hoàng Đỗ Kế Thiều	Phú Hậu Cát Tiến	1.236,10	201.237.080	0	5.562.450	557.468.400	764.267.930
11	Trần Tín Nguyễn Thị Tám	Phú Hậu Cát Tiến	1.755,40	285.779.120	0	7.899.300	785.877.600	1.079.556.020
12	Nguyễn Thị Hoa	Phú Hậu Cát Tiến	842,20	137.110.160	0	3.789.900	387.976.800	528.876.860
13	Lê Thị Thu Sương Đỗ Quý Hữu	Phú Hậu Cát Tiến	771,80	125.649.040	0	3.473.100	346.999.200	476.121.340
14	Đinh Văn Loan	Phú Hậu Cát Chánh	1.157,30	188.408.440	0	5.207.850	0	193.616.290
15	Lê Thị Ngọc Ánh (chết) con Đỗ Văn Quê, Đặng Văn Phong đồng sử dụng	Phú Hậu Cát Tiến	1.356,30	220.805.640	0	6.103.350	641.077.200	867.986.190
16	Trương Văn Bình Trần Thị Lựu	Phú Hậu Cát Tiến	1.043,20	166.658.360	0	4.694.400	471.802.800	643.155.560
17	Trương Thị Mỹ Lệ	Phú Hậu Cát Tiến	2.736,60	440.683.320	0	12.314.700	1.219.143.600	1.672.141.620
18	Lê Văn Thao	Phú Hậu Cát Tiến	640,00	104.192.000	0	2.880.000	292.800.000	399.872.000

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m^2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ				
				Tiền bồi thường, hỗ trợ đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Giá trị BT, HT (đồng)
19	Phan Thị Hường	Phú Hậu Cát Tiến	2.207,50	359.381.000	0	9.933.750	995.250.000	1.364.564.750
20	Trần Năm Trần Thị Lý	Phú Hậu Cát Tiến	1.275,50	129.409.720	0	5.739.750	365.895.600	501.045.070
21	Nguyễn Hữu Bá	Phú Hậu Cát Tiến	1.055,80	148.750.360	0	4.751.100	412.162.800	565.664.260
22	UBND thị trấn Cát Tiến	Thị trấn Cát Tiến	36.076,10	795.457.080	0	0	0	795.457.080
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ		62.805,50	4.854.044.800	0	120.282.300	10.793.714.400	15.768.041.500
B	Chi phí phục vụ GPMB (2%)							315.360.830
C	Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế (0,2%)							31.536.083
D	Tổng cộng (A+B+C)							16.114.938.413